

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Th
và chị Gi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên

Ông Triệu Văn Giản

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 39/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kiều Văn Th, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Đội Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị Hương Gi, sinh năm 1994; Nơi cư trú: số M đường Ph, phường Tr, thành phố N.

(Anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Gi vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 12-01-2021, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là anh Kiều Văn Th trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trần Thị Hương Gi tổ chức lễ cưới và tự nguyện kết hôn, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 21-6-2017 và có thời gian tìm hiểu khoảng 04 tháng trước khi cưới. Sau khi kết hôn anh và chị Gi chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống cũng như các mối quan hệ gia đình và xã hội nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không quan tâm và chăm sóc đến nhau. Đến nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh Th có nguyện vọng xin được ly hôn với chị Gi.

Về con chung: Anh Th trình bày vợ chồng anh có một con chung là H, sinh ngày 07-9-2017, giới tính Nữ. Hiện tại cháu H đang ở với anh Th. Nếu ly hôn anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng H. Việc cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do công việc rất bận anh Th không thể tham gia phiên tòa nên ngày 19 tháng 3 năm 2021 anh Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn là chị Trần Thị Hương Gi đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị Gi không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa nên chị Gi không có quan điểm để giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 02-02-2021 tại Ủy ban nhân dân phường Tr xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng anh Th và chị Gi thường xảy ra mâu thuẫn, hiện tại anh Th đã chuyển về quê tại địa chỉ Đội Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định sinh sống và vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Về con chung: Vợ chồng anh Th và chị Gi có một con chung là H, giới tính nữ, sinh ngày 07-9-2017. Hiện tại cháu H đang ở cùng với anh Th.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của

mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị Gi đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Th và chị Gi. Về con chung: cháu H hiện tại đang ở cùng với anh Th và cháu đã trên 36 tháng tuổi nên nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh Th giao con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Th không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Kiều Văn Th là nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Đối với chị Gi mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên tòa chị Gi vắng mặt lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Văn Th và chị Trần Thị Hương Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y tỉnh Nam Định ngày 21-6-2017 nên hôn nhân giữa anh Th và chị Gi là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn anh Th và chị Gi sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với chị Gi. Đối với chị Gi, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa chị Gi vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc chị Gi không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và việc nuôi con. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị Gi đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh Th và chị Gi theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Anh Th có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu H. Xét thấy cháu H đang sinh sống ổn định với anh Th và cháu cũng trên 36 tháng tuổi, chị Gi không có mặt tại phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con H cho anh Kiều Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Kiều Văn Th là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Kiều Văn Th và chị Trần Thị Hương Gi.

2. Về nuôi con chung: Giao con H, sinh ngày 07-9-2017, giới tính Nữ cho anh Kiều Văn Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Kiều Văn Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Kiều Văn Th đã nộp tại biên lai số 0003496 ngày 21-01-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Kiều Văn Th và chị Trần Thị Hương Gi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;
- UBND phường Tr, TP N;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THA dân sự thành phố N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Kim Huế

